TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SA ĐÉC** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/3/2019
V/v Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SA ĐÉC - TỈNH ĐỒNG THÁP

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Diệu Hiền

Ông Nguyễn Văn Hai

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sa Đéc, Đồng Tháp.

Trong ngày 11 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Sa Đéc, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20/02/2019 về việc "*Tranh chấp ly hôn*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Võ Ngọc Kim N, sinh năm 1995
Địa chỉ: Khóm Q, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Nguyễn Quang Điền T, sinh năm 1986
Địa chỉ: Ấp P, xã K, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.
Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2019, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Võ Ngọc Kim N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T quen tìm hiểu khoảng 01 năm thì chung sống vợ chồng vào năm 2014, nhưng không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Chị N và anh T chung sống với nhau được thời gian ngắn thì anh T bỏ đi. Khi anh T bỏ đi thì chị N đang mang thai được khoảng 06 tháng. Anh T bỏ đi từ đó cho đến năm 2017 mới quay trở về, khi trở về anh T cũng có ý định hàn gắn tình cảm với chị N, nhưng chị N không đồng ý. Nay chị N nhận thấy tình cảm

không còn, chị và anh T không thể hàn gắn, tiếp tục trở lại chung sống, chị N yêu cầu được ly hôn anh T.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên Võ Ngọc Kim M, sinh ngày 24/10/2014, hiện con đang sống với chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi con, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Quang Điền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N tìm hiểu khoảng 01 năm thì chung sống với nhau như vợ chồng mà không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn. Anh T sống với chị N được khoảng vài tháng thì anh T bỏ đi cho đến năm 2017 mới quay trở về. Sau khi trở về, anh T cũng có gặp chị N để hàn gắn tình cảm nhưng chị N không đồng ý. Nay anh T nhận thấy tình cảm không còn, anh T và chị N cũng không thể trở lại tiếp tục chung sống với nhau. Anh T đồng ý ly hôn chị N.

- Về nuôi con chung: Có 01 con tên Võ Ngọc Kim M, sinh ngày 24/10/2014, hiện con đang sống với chị N. Khi ly hôn anh T đồng ý để con cho chị N nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quang Điền T có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp phải hoãn phiên tòa. Do đó, căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của chị Võ Ngọc Kim N, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Chị Võ Ngọc Kim N và anh Nguyễn Quang Điền T chung sống vợ chồng từ năm 2014, không có tổ chức đám cưới, không có đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

"1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý..."

Tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

" 1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. .." .

Hội đồng xét xử xét thấy: Lẽ ra trong quá trình chung sống với nhau chị N và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị N và anh T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân của anh chị không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hơn nữa, trong quá trình sống chung, giữa chị N và anh T đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp. Sau khi chung sống với chị N được khoảng vài tháng thì anh T bỏ đi cho đến năm 2017 mới quay trở về. Trong khoảng thời gian từ năm 2014 đến năm 2017 anh T cũng không tới lui thăm hỏi chị N và con. Nay tình cảm không còn, anh chị không thể hàn gắn tiếp tục chung sống với nhau. Cả hai đều có nguyện vọng được ly hôn. Tuy nhiên, do chị N và anh T không có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật nên không thể công nhận sự thuận tình ly hôn.

Tại Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định**:**

"2. Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này..".

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị N và anh T đã thực sự trầm trọng, anh chị cũng không còn tình cảm với nhau. Hơn nữa, quan hệ hôn nhân của anh chị cũng không có giá trị về mặt pháp lý. Do đó, chị N yêu cầu ly hôn anh T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14 và Khoản 2 Điều 53, Hội đồng xét xử không công nhận chị N và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Có 01 con tên Võ Ngọc Kim M, sinh ngày 24/10/2014, hiện con đang sống với chị N. Khi ly hôn, chị N và anh T thống nhất thỏa thuận, chị N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con. Xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị N và anh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, về nợ chung: Chị N và anh T xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị N nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 9, 14, 15, 53, 58, 71, 81, 82, 83, của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Võ Ngọc Kim N và anh Nguyễn Quang Điền T

2. Về nuôi con chung:

- Chị Võ Ngọc Kim N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Ngọc Kim M, sinh ngày 24/10/2014, hiện con đang sống với chị N.

- Chị Võ Ngọc Kim N không yêu cầu anh Nguyễn Quang Điền T cấp dưỡng nuôi.

- Anh Nguyễn Quang Điền T có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Võ Ngọc Kim N nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp ngày 20/02/2019 theo biên lai thu số 0003651 tại Chi cục thi hành án Dân sự Thành phố Sa Đéc được khấu trừ toàn bộ vào án phí phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thủy

Nơi nhận:
- Toà án ND Tỉnh ĐT
- VKS ND TPSĐ
- THA Dân sự TPSĐ
- Các đương sự
- Lưu h/s